

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày 26 – 01 - 2022

V/v ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Kết

Ông Lê Văn Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 370/2021/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 441/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị C, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp TH, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Tấn M, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp TH, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Võ Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị C với anh Trần Tấn M tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Dân. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Nay chị C yêu cầu được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Trần Như Y, sinh ngày 13/9/2008 và Trần Ngọc Y1, sinh ngày 21/11/2013 hiện đang sống cùng chị C. Khi ly hôn, chị C cần yêu cầu được nuôi cháu Ngọc Y1, chị đồng ý giao cháu Như Y cho anh M nuôi, cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trần Tấn M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Võ Thị C khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với Trần Tấn M là vụ kiện tranh chấp ly hôn, con chung, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị C có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng anh Mạnh vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị C, anh M.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị C và anh M tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh M được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo chị C xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, tuy nhiên anh M không có ý kiến. Như vậy, những mâu thuẫn do chị C xác định thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ đó, Hội đồng xét xử khẳng định anh M không thật sự còn quan tâm hay tha thiết gì đến mối quan hệ hôn nhân với chị C, không có thiện chí phối hợp với Tòa án để giải quyết vụ án.

Xét thấy: Trong cuộc sống vợ chồng giữa chị C và anh M đã có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được là thực tế có xảy ra. Việc này được thể hiện là kể từ thời gian chị C nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh M tại Tòa án thì chị C, anh M không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định hiện nay cả hai không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử khẳng định mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa chị C và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C về quan hệ hôn nhân.

[5] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu Như Y đã hơn 13 tuổi, còn cháu Ngọc Y1 đã hơn 08 tuổi. Khi ly hôn, chị C yêu cầu nuôi cháu Ngọc Y, chị giao cháu Như Y1 cho anh M nuôi, cấp dưỡng không đặt ra. Đối với anh M thì không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng của chị C. Xét thấy: Chị C và anh M hiện có thu nhập ổn định nên đảm bảo điều kiện nuôi dạy con. Mặt khác, theo nguyện vọng của cháu Như Y thì cháu muốn sống với cha, còn cháu Ngọc Y1 thì muốn sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của hai cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C về con chung.

[6] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị C xác định tài sản chung tự thỏa thuận, còn về nợ thì không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh M thì không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Xét về án phí dân sự: Chị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 5; khoản 2 Điều 92; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Võ Thị C được ly hôn với anh Trần Tấn M.
2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Trần Ngọc Y1, sinh ngày 21/11/2013 cho chị Võ Thị C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Giao cháu Trần Như Y, sinh ngày 13/9/2008 cho anh Tấn Tấn M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.3. Chị Võ Thị C và anh Trần Tấn M không nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự: Chị Võ Thị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011729 ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Võ Thị C đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tân Dân, huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh